

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2021
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tô

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Cầm Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Tiểu khu C, thị trấn D, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Thanh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cầm Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Đặng Thanh T kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 25/4/2013. Vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2020 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghi ngờ vợ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát nhau. Sự việc mâu thuẫn có được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Thanh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016, hiện nay cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị số tiền là 2.000.000VNĐ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 02 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Thanh T trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng, anh T đều thống nhất với ý kiến của chị H đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh có nghi ngờ vợ có quan hệ ngoại tình nên có xảy ra cãi cọ, xô sát nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh mong muốn chị H nên xem xét lại vì con còn nhỏ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016, hiện nay cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung để giải quyết vụ án xin ly hôn. Kết quả xác minh đối với Ban quản lý bản A, xã B, huyện Mai Sơn, Ban quản lý tiểu khu C, thị trấn D, huyện Mai Sơn xác định:

Về tình cảm: Chị H và anh T kết hôn với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, ban quản nơi cư trú của các đương sự không nắm bắt được cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: Ý kiến của ban quản lý bản, tiểu khu nơi cư trú của các đương sự xác nhận, sau khi hai vợ chồng ly thân, con chung hiện nay là cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016 đang do chị H nuôi dưỡng, hai vợ chồng đều có thu nhập ổn định để nuôi cháu, đề nghị Tòa án xem xét giao con cho bên nào đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không.

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, do các bên không thống nhất được nghĩa vụ nuôi con khi ly hôn nên vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cẩm Thị H đối với anh Đặng Thanh T. Về con chung: Giao cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền là 2.000.000VNĐ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2021 trở đi cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Cẩm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đặng Thanh T có địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Cẩm Thị H và anh Đặng Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/4/2013. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hiểu nhau, anh T có nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô sát nhau, vợ chồng không hạnh phúc. Sự việc xin ly hôn của chị H đã được hai bên gia đình cùng chính quyền hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân và không còn

quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cẩm Thị H, xử cho ly hôn giữa các đương sự.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Căn cứ ý kiến của các đương sự và kết quả xác minh, thấy rằng: Xét về điều kiện và khả năng nuôi con, chị H và anh T đều có chỗ ở và nơi cư trú, thu nhập ổn định. Tuy nhiên anh T có nghề nghiệp chính là lái xe taxi nên không thường xuyên ở nhà, còn chị H làm công việc kế toán cho doanh nghiệp nên có nhiều thời gian để chăm sóc con hơn. Hiện con chung của vợ chồng anh chị còn nhỏ, rất cần được sự chăm sóc của người mẹ khi hai vợ chồng ly hôn. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận yêu cầu của chị Cẩm Thị H, buộc anh Đặng Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền là 2.000.000VNĐ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2021 trở đi cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và nợ chung. Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cẩm Thị H và anh Đặng Thanh T.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thanh P, sinh ngày 16/6/2016 cho chị Cẩm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh Đặng Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng

số tiền là 2.000.000VNĐ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 03 năm 2021 trở đi cho đến khi cháu P đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã tự phân chia tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000240 ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000VNĐ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/02/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh